TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DS-ST
Ngày: 01 - 8 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy Phượng

Ông Thạch Phới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS, ngày 19/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lữ Thị Thanh T, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Bà Cao Ngọc T1, sinh năm: 1976 (Có đơn xin vắng mặt);

2. Ông Châu Thanh B, sinh năm: 1975 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lữ Thị Thanh T là nguyên đơn có lời khai: Ngày 17 tháng 5 năm 2023 âm lịch bà có làm đầu thảo dây hụi, loại 1.000.000 đồng/phần, hụi mỗi tháng khui một lần, gồm 22 phần. Trong đó, vợ chồng bà T1 ông B tham gia 02 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "chị thẩm"; phần hụi thứ nhất bà T1 và ông B kêu hụi hốt

lần khui thứ nhất và trúng thăm được hốt hụi với số tiền 15.880.000 đồng (đã trừ hoa hồng đầu thảo); sau khi hốt hụi bà T1 đóng hụi chết được 8 lần thì không đóng hụi chết nữa nên bà đã đóng choàng thay 03 lần ở lần khui thứ 10, 11 và 12 với số tiền 3.000.000 đồng. Phần hụi thứ hai đóng hụi sống được 6 lần đến lần khui hụi thứ 7 thì kêu hốt được số tiền là 15.475.000 đồng (đã trừ hoa hồng đầu thảo); sau khi hốt hụi bà T1 góp hụi chết được 02 lần thì thì không đóng hụi chết nữa nên bà đã đóng choàng thay 03 lần hụi ở lần khui thứ 10, 11 và 12 với số tiền 3.000.000 đồng. Tổng cộng, bà đã đóng choàng cho 02 phần hụi bằng 6.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B phải trả lại số tiền hụi bà đã đóng thay là 6.000.000 đồng/02 phần hụi ở các lần khui thứ 10, 11 và 12 tại dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch do bà làm đầu thảo của dây hụi loại 1.000.000 đồng/phần, hụi mỗi tháng khui một lần, gồm 22 phần, trong đó vợ chồng bà T1 ông B tham gia 02 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "chị thẩm" và không yêu cầu tính lãi.

Bà Cao Ngọc T1 là bị đơn có đơn xin vắng mặt và có lời khai: Bà T1 có tham gia dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo dây hụi loại 1.000.000 đồng/phần, hụi mỗi tháng khui một lần, gồm 22 phần. Trong đó, bà T1 tham gia 02 phần, trong danh sách hụi ghi tên là "chị thẩm". Do gặp khó khăn trong quá trình làm ăn nên không đóng hụi đúng hạn cho bà T.

Nay bà Lữ Thị Thanh T yêu cầu bà trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền 6.000.000 đồng tương ứng với các lần khui thứ 10, 11 và 12 của 02 phần hụi ở dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo thì bà đồng ý trả cho bà T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu ông Châu Thanh B cùng bà T1 trả số tiền nợ hụi trên cho bà T thì bà T1 cho rằng ông B chồng bà chỉ biết việc bà có tham gia chơi hụi của bà T. Việc bà tham gia chơi hụi của bà T ở dây hụi nào, hốt hụi, khui hụi ra sao thì ông B không biết. Đến khi bà không có khả năng đóng hụi chết được nữa thì bà mới ra gặp bà T thỏa thuận phương thức trả, sau đó bà mới về nói lại chi tiết với ông B. Ý kiến của chồng bà là ông Châu Thanh B vẫn đồng ý cùng bà đứng ra làm trả số tiền nợ hụi trên cho bà T; nhưng do ông B không đồng ý việc bà T khởi kiện danh tính chồng bà ra Tòa án và ông B không đồng ý ký tên vào các văn bản của Tòa án.

Ông Châu Thanh B là bị đơn có đơn xin vắng mặt và không có ý kiến hay lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 468, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị

định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Thanh T. Buộc bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền nợ hụi của 02 phần hụi là 6.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch do bà T làm đầu thảo dây hụi loại 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần.

Về án phí: Buộc bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lữ Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B trả cho bà số tiền nợ hụi mà bà T đã đóng choàng thay. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Mặt khác, bị đơn có nơi cư trú tại ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh là đúng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa nguyên đơn bà T, bị đơn bà T1 và ông B đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng bà Lữ Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi còn thiếu mà bà đã đóng choàng thay là 6.000.000 đồng của hai phần hụi tại dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch do bà T làm đầu thảo dây hụi loại 1.000.000 đồng. Bị đơn bà Cao Ngọc T1 cũng thừa nhận bà có tham gia dây hụi trên và còn nợ lại bà T số tiền nợ hụi chết mà bà T đã đóng choàng thay số tiền 6.000.000 đồng trong dây hụi 17/5/2023 âm lịch như bà T đã trình bày.

[3] Xét thấy, bị đơn bà T1 thừa nhận số nợ hụi còn thiếu như nguyên đơn khởi kiện nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định bà T1 có tham gia góp hụi cùng bà T ở dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo, dây hụi loại 1.000.000 đồng/phần, hụi mỗi tháng khui một lần, gồm 22 phần, bà T1 tham gia 02 phần với số tiền còn thiếu là 6.000.000 đồng.

[4] Đối với bà T yêu cầu ông Châu Thanh B phải có trách nhiệm cùng bà T1 trả số tiền nợ hụi trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy mọi giao dịch góp hụi đều do bà T1 thực hiện với bà T nhưng thời gian bà T1 giao dịch góp hụi với bà T thì bà T1 và ông B vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp và hiện đang cùng chung sống. Bà T1 khai ông B vẫn biết bà T1 chơi hụi do bà T làm đầu thảo, số tiền hốt hụi từ các dây hụi này bà T1 sử dụng tiền hốt hụi để lo toan trang trải cuộc sống sinh hoạt

trong gia đình. Do đó, theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30*….", tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*".

[5] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Thanh T. Buộc bà T1 và ông B phải có trách nhiệm trả lại số tiền hụi còn thiếu là 6.000.000 đồng trong dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch, loại 1.000.000 đồng/phần, hụi mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, trong đó vợ chồng bà T1 ông B tham gia 02 phần. Do bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lữ Thị Thanh T.

Buộc bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B phải có nghĩa vụ trả cho bà Lữ Thị Thanh T số tiền hụi là 6.000.000 đồng của dây hụi mở ngày 17/5/2023 âm lịch, loại 1.000.000 đồng/phần, hụi mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần do bà Lữ Thị Thanh T làm đầu thảo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Cao Ngọc T1 và ông Châu Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Bà Lữ Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000984 ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Châu Thanh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Ai